TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1326/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2019

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hiền Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2. Ông Nguyễn Văn Tài

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai sơ thẩm theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1662/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị A,
Cư trú tại: xxx Phan Văn Hân, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc B
Cư trú tại: xxx Phan Văn Hân, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc nguyên đơn bà Huỳnh Thị A trình bày:

Bà và ông Lê Ngọc B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường L, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số cc, quyển số 02 cấp ngày 31/12/2002.Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được mười năm, từ năm 2012 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và cãi vã do bất đồng trong quan điểm sống. Bà và ông B đã từng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, hiện nay mâu thuẫn càng trầm trọng thêm nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án chấp nhận cho bà ly hôn ông Lê Ngọc B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông B không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông B không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận D đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê Ngọc B đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về việc "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

-Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số cc, quyển số 02 cấp ngày 31/12/2002 nên có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị A và ông Lê Ngọc B là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên bà Trâm về đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà A vẫn giữ nguyên trình bày tình cảm không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà A, ông B tồn tại mâu thuẫn; vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau;

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường L, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: "Bà Huỳnh Thị A và ông Lê Ngọc B hiện nay không còn chung sống với nhau. Trong quá trình chung sống bà A và ông B có xảy ra mâu thuẫn hay không, Ủy ban nhân dân phường không nắm rõ và Ủy ban nhân dân phường cũng chưa lần nào hòa giải mâu thuẫn giữa bà Trâm và ông Mai."

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Ngọc B đã không đến Tòa án làm việc, qua đó cho thấy ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực để hàn gắn gia đình.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị A khai bà A và ông B không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung-nợ chung: Bà Huỳnh Thị A khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị A được ly hôn ông Lê Ngọc B.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị A khai không có con chung

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị A khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Huỳnh Thị A phải chịu, được cấn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0005287 ngày 27/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà Huỳnh Thị A đã nộp đủ án phí.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường L, quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hiền Long